

Số: 6115 /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính do Sở Kế hoạch và Đầu tư trình thuộc thẩm quyền quyết định của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng thực hiện theo cơ chế một cửa tại Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

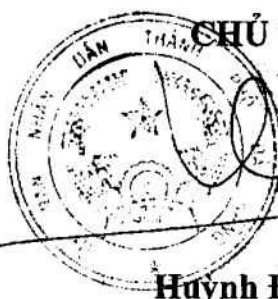
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính do Sở Kế hoạch và Đầu tư trình thuộc thẩm quyền quyết định của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng thực hiện theo cơ chế một cửa tại Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm trình Chủ tịch UBND thành phố công bố lại các thủ tục hành chính có liên quan cho phù hợp với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các sở, ban, ngành và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/ *Phan*

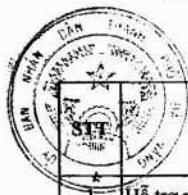
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nội vụ;
- Công Thông tin điện tử TP;
- Các phòng thuộc VP UBND TP;
- Lưu: VT, NCPC.

 **CHỦ TỊCH**
Phan
Huỳnh Đức Thọ

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TRÌNH
THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ, CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA TẠI VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 6115/QĐ-UBND ngày 24/ 8 /2015 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)



Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)		
	Tại Sở	Tại Văn phòng UBND thành phố	Tổng cộng
1 Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA):			
a) Thẩm định và phê duyệt các chương trình, dự án ODA	Nhóm A: 40; Nhóm B: 30; Nhóm C: 20	Nhóm A: 07; Nhóm B: 07; Nhóm C: 05	Nhóm A: 47; Nhóm B: 37; Nhóm C: 25
b) Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu	15	7	22
c) Thẩm định hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu	15	7	22
d) Thẩm định kết quả đấu thầu	15 (11 ngày đối với gói thầu quy mô nhỏ)	7	22 (18 ngày đối với gói thầu quy mô nhỏ)
2 Thẩm định và phê duyệt các chương trình, dự án NGO:			
a) Thẩm định không lấy ý kiến	5	5	10
b) Thẩm định có lấy ý kiến	15	5	20
3 Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu:			
a) Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu	15	7	22
b) Thẩm định hồ sơ mời thầu	15	10	25
4 Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu:			
a) Gói thầu quy mô nhỏ	10	5	15
b) Gói thầu không phải quy mô nhỏ	15	10	25